

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ-TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2021/DS-ST  
Ngày: 09 tháng 04 năm 2021  
V/v: Tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Thương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**
2. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thái Bình**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 04 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-DSST ngày 01 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-DS ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phùng Quang T**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

(ông T có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông **Phùng Kim D**, sinh năm 1964

(Ông D có mặt tại phiên tòa)

Bà Phùng Thị T1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, Hà Nội.

*(Bà Thoa vắng mặt tại phiên tòa)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T2, sinh năm 1959

Trú tại: Thôn TL, xã ĐT, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội.

*(Bà Toán có mặt tại phiên tòa)*

Anh Phùng Kim A, sinh năm 1987

Anh Phùng Kim Đ, sinh năm 1992

Chị Bùi Thùy Tr, sinh năm 1991

Chị Phùng Thị C, sinh năm 1996

Đều trú tại: Thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

*(Anh A, anh Đ, chị Tr, chị C đều có đơn*

*xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1.Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2021 của ông Phùng Quang T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phùng Quang T và vợ là người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 trình bày:

Vợ chồng ông T, bà T2 và gia đình ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 quan hệ với vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 và các con trai, con dâu của ông D, bà T1 là anh Phùng Kim A, Phùng Kim Đ, Bùi Thị Tr, Phùng Thị C là quan hệ là họ hàng trong gia đình và hàng xóm với nhau. Thời điểm ngày 24/6/2020( âm lịch), tức ngày 09/8/2020 vợ, chồng ông T, bà Toán đã cho vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 vay số tiền gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận là theo lãi suất ngân hàng 01%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 02 năm kể từ ngày vay tiền đến ngày 24/06/2022 phải trả. Khi vợ, chồng ông T, bà T2 cho vợ, chồng ông D, bà T1 vay số tiền gốc nói trên thì bà T1 có viết giấy vay tiền với nội dung như trên và vợ, chồng ông D, bà T1 có giao cho vợ, chồng ông T, bà Dữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số seri: BQ 110214, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận:

00125/QSDĐ-ĐT, cấp ngày 30/12/2014 mang tên người sử dụng đất Phùng Kim D, Phùng Thị T1, diện tích đất 106 m<sup>2</sup>, thửa số: 223-1, tờ bản đồ số: 03, tại thôn: TL, xã ĐT, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội. Giấy vay tiền được lập ngày 24/06/2020 (Âm lịch), tức ngày 09/08/2020 (Dương lịch) có chữ ký và chức viết họ tên ở phần bên người vay tiền của ông D, bà T1 và các con của ông D, bà T1 là: Phùng Kim A, Phùng Kim Đ, Bùi Thị Tr, Phùng Thị C. Kể từ khi vợ, chồng ông D, bà T1 vay số tiền gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng đến nay*) của vợ, chồng ông T đến nay vợ, chồng ông D, bà T1 mới trả được 01 tháng lãi suất vào tháng 09/2020 dương lịch cho vợ, chồng ông T, bà T2, số tiền là: 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) do vậy vợ, chồng ông T, bà T2 mới khởi kiện vợ, chồng ông D, bà T1 trước hạn hợp đồng. Nay vợ, chồng ông T, bà T2 xác định giấy vay tiền lập ngày 24/06/2020 âm lịch, tức ngày 09/08/2020 dương lịch có chữ ký bên vay tiền gồm các con ông D, bà T1 là: Phùng Kim A, Phùng Kim Đ, Bùi Thị Tr, Phùng Thị C xong thực tế anh A, anh Đ, chị Tr, chị C có cùng ký bên vay tiền với ông D, bà T1 là để tạo thêm lòng tin cho ông T, bà T2 còn về thực tế anh A, anh Đ, chị Tr, chị C không được nhận tiền và sử dụng số tiền vay của ông T, bà T2 do vậy nay vợ, chồng ông T, bà T2 chỉ yêu cầu vợ, chồng ông D, bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ, chồng ông T, bà T2 số tiền gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng chẵn*) và lãi suất 09 tháng x 7.000.000đ = 63.000.000đ, trừ đi 01 tháng tiền lãi suất ông D, bà T1 đã trả còn lại là 08 tháng x 7.000.000đ/tháng = 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi suất ông T, bà T2 yêu cầu vợ, chồng ông D, bà T1 phải trả cho ông T, bà T2 tổng số tiền gốc và lãi suất là: 756.000.000đ (*Bảy trăm, năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Về tài sản thế chấp: Khi vợ, chồng ông T, bà T2 cho vợ, chồng ông D, bà T1 vay tiền, vợ, chồng ông D, bà T1 có giao cho vợ, chồng ông T, bà T2 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số seri: BQ 110214, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00125/QSDĐ-ĐT, cấp ngày 30/12/2014 mang tên người sử dụng đất Phùng Kim D, Phùng Thị T1, diện tích đất 106 m<sup>2</sup>, thửa số 223-1, tờ bản đồ số 03, tại thôn: TL, xã ĐT, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội mục đích là để thế chấp cho khoản tiền vay gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) xong hai bên không làm thủ tục công chứng tại Phòng công chứng thế chấp tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay tài sản theo qui định của pháp luật do đó nay ông T, bà T2 không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba vì giải quyết, xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2021, Ông Phùng Kim D trình bày: Vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 có quan hệ với vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 là quan hệ anh, em cùng họ hàng và quan hệ hàng xóm. Do cần tiền để vợ ông D là Phùng Thị T1 đầu tư làm ăn kinh tế nên ngày 24/6/2020 âm lịch, tức ngày 09/8/2020 dương lịch vợ chồng ông D, bà T1 có vay của vợ chồng ông T, bà T2 số tiền gốc là: 700.000.000đ ( *Bảy trăm triệu đồng*) với lãi suất hai bên thỏa thuận là: 01%/tháng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày vay 24/06/2020 âm lịch, tức ngày 09/08/2020 dương lịch. Khi vợ, chồng ông D, bà T1 vay của vợ, chồng ông T, bà T2, vợ, chồng ông D, bà T1 có cùng các con là: Phùng Kim A, Phùng Kim Đ, Bùi Thị Tr, Phùng Thị C có ký tên vào vị trí bên vay tiền của giấy vay tiền được lập ngày 24/06/2020 âm lịch, tức ngày 09/08/2020 dương lịch. Kể từ khi vay tiền đến nay ông D, bà T1 mới trả được cho vợ, chồng ông T, bà T2 duy nhất một tháng lãi suất là tháng 08/2020 dương lịch, lý do vợ, chồng ông D trả được 01 tháng lãi suất là do khó khăn về kinh tế. Nay do gia đình ông D khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ do đó hiện nay bà Phùng Thị T1 vợ ông D phải đi làm thuê ở Hà Nội, ông D không biết địa chỉ và nơi ở cụ thể của bà T1 ở đâu, bà T1 chỉ liên hệ về với ông D và gia đình ông D bằng điện thoại và mang xã hội Zalo...

Nay ông Phùng Kim D xác định vợ ông D là bà Phùng Kim Thoa vay tiền của vợ, chồng ông T, bà T2 để làm ăn kinh tế bị thua lỗ, ông D là người cùng bà T1 ký nhận giấy vay tiền, vay của vợ, chồng ông T, bà T2 số tiền gốc là: 700.000.000đ ( *Bảy trăm triệu đồng*). Do vậy nay ông D chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền của vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2. Vợ, chồng ông D, bà T1 sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là: 700.000.000đ ( *Bảy trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất theo yêu cầu của vợ, chồng ông T, bà T2 là 56.000.000đ ( *Năm mươi sáu triệu đồng*).

Theo ông D thì các con ông D, bà T1 là: Anh Phùng Kim A, Phùng Kim Đ, chị Bùi Thị Tr, chị Phùng Thị C tuy có ký tên vào giấy vay nợ tiền của ông T, bà T2 nhưng các con ông không được nhận và sử dụng số tiền vay của vợ, chồng ông T, bà T2 do vậy ông D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba vì chỉ buộc hai vợ, chồng ông D, bà T1 phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi suất cho vợ, chồng ông T, bà T2. Còn các con của ông D, bà T1 là: Anh An, anh Đức, chị Trang, chị Chiên không có trách nhiệm phải trả nợ cho vợ, chồng ông T, bà T2.

Về tài sản thế chấp: Khi vợ, chồng ông T, bà T2 cho vợ, chồng ông D, bà T1 vay tiền, vợ, chồng ông D, bà T1 có giao cho vợ, chồng ông T, bà T2 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất ở số seri: BQ 110214, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00125/QSDD-ĐT, cấp ngày 30/12/2014 mang tên người sử dụng đất Phùng Kim D, Phùng Thị T1, diện tích đất 106 m<sup>2</sup>, thửa số: 223-1, tờ bản đồ số 03, tại thôn: TL, xã ĐT, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội mục đích là để thế chấp cho khoản tiền vay gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) cho vợ, chồng ông T xong hai bên không làm thủ tục công chứng thế chấp tài sản để đảm bảo cho hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng theo qui định của pháp luật do đó nay ông T, bà T2 không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba vì giải quyết, xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì ông D cũng không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba vì không xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Đối với bà Phùng Thị T1 vợ ông D, Tòa án nhân dân huyện Ba vì đã triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, theo ông D bà T1 hiện làm thuê ở Hà Nội không về nhà nhưng bà T1 vẫn thường xuyên gọi điện về liên lạc gia đình ông D bằng điện thoại di động, mang xã hội Zalo... Xong ông D và gia đình không biết địa chỉ, chỗ ở cụ thể của bà T1 ở Hà Nội ở đâu. Do đó Tòa án nhân dân huyện Ba vì đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà văn hóa thôn TL, UBND xã ĐT và tại trụ sở UBND xã ĐT và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì để giải quyết vụ án vắng mặt bà T1 theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai các con trai, con dâu ông D, bà T1 là chị Bùi Thùy Tr, anh Phùng Kim A, anh Phùng Kim Đ, chị Phùng Thị C đều trình bày: Các anh, chị là con trai và con dâu của ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1. Ngày 24/6/2020 âm lịch, tức ngày 09/8/2020 dương lịch ông D, bà T1 có vay của ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) để phục vụ công việc kinh doanh khai thác quặng, lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng tức 01%/ tháng, thời hạn vay là hai năm. Sau khi hai bên giao tiền cho vay xong thì các anh, chị được biết bà T1, ông D mới trả được một tháng tiền lãi là: 7.000.000đ và chưa trả được số tiền gốc nào. Trong giấy vay nợ thì anh An, anh Đức, chị Trang, chị Chiên và ông D, bà T1 đều ký tên vào giấy vay tiền. Tuy nhiên anh An, anh Đức, chị Trang, chị Chiên không được nhận và không được sử dụng số tiền vay của vợ, chồng ông T, bà T2. Thực tế có ông D, bà T1 là người đi nhận tiền và sử dụng số tiền vay của vợ, chồng ông T, bà T2. Vì vậy nay anh A, anh Đ, chị Tr, chị C đều đưa ra yêu cầu không có trách nhiệm phải đồng trách nhiệm với ông D, bà T1 để trả nợ cho vợ, chồng ông T, bà T2. Vậy đề nghị Tòa án buộc bố, mẹ các anh, chị là ông Phùng Kim D và bà Phùng Thị T1 là

người có trách nhiệm phải trả nợ gốc và lãi cho vợ, chồng ông T, bà T2. Các anh, chị không nhận và không dùng số tiền này nên không có trách nhiệm phải trả nợ cho ông T, bà T2. Anh A, anh Đ, chị Tr, chị C đều cho biết hiện nay bà Phùng Thị T1 đang đi làm ở Hà Nội, các anh chị không biết địa chỉ cụ thể để kiểm tiền trả nợ, bà T1 chỉ liên hệ với gia đình bằng điện thoại di động và qua mạng xã hội là Zalo..., các anh, chị đã thông báo cho bà T1 biết việc ông T, bà T2 kiện đòi nợ đối với gia đình bà. Về tài sản thế chấp: Anh A, anh Đ, chị Tr, chị C không liên quan đến tài sản của bố, mẹ nên không yêu cầu tòa án xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án vì điều kiện công việc bận nên anh A, anh Đ, chị Tr, chị C đều xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn: ông Phùng Quang T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 (vợ ông T) vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi nợ đối với ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 số tiền gốc: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi 7.000.000đ/tháng từ ngày 09/09/2020 dương lịch đến ngày 09/04/2021 là: 56.000.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 756.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Ông T, bà T2 không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Ông Phùng Kim D chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Quang T, bà Trần Thị Toán, ông D, bà T1 chấp nhận trả cho vợ, chồng ông Thánh, bà T2 số tiền gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi là: 56.000.000đ. Tổng cả gốc và lãi là: 756.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bà T1 vợ ông D vắng mặt xong ông D vẫn chấp nhận sẽ cùng bà T1 có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi suất là: 756.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng*) cho vợ, chồng ông T, bà T2. Ông D không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ, chồng ông D, bà T1 đã giao cho vợ, chồng ông T khi nhận tiền vay.

Đối với bà Phùng Thị T1 vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú như nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã ĐT và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba vì theo quy định của pháp luật

Chị Bùi Thùy Tr, anh Phùng Kim A, anh Phùng Kim Đ, chị Phùng Thị C đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

### 3. Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Ba Vì:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là vợ chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi là: 56.000.000đ (*Năm mươi sáu triệu đồng*). Tổng cả gốc và lãi là: 756.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Về tài sản thế chấp không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn: Ông Phùng Quang T khởi kiện yêu cầu bị đơn: Vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 trả nợ tiền vay, do đó xác định đây là tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Phùng Thị T1 do làm ăn thua lỗ kinh tế khó khăn do đó phải làm thuê tại nội thành Hà Nội thì thoảng có về nhà thăm nhà thời gian ngắn lại tiếp tục đi làm ăn, tuy nhiên bà T1 vẫn thường xuyên liên hệ với ông Dỹ là chồng và các con trong gia đình thông qua điện thoại di động, mạng xã hội Zalo... Bà Thoa vắng mặt tại địa phương do đó Tòa án nhân dân huyện Ba vì trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng bằng việc giao cho người thân của bà T1 để thông báo cho bà T1 bằng điện thoại di động về việc bị vợ, chồng ông T, bà T1 khởi kiện đòi nợ tiền và niêm yết các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bà T1, như: Nhà văn hóa thôn TL, trụ sở UBND xã ĐT, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội và tại trụ sở TAND huyện Ba vì, thành phố Hà Nội xong đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay bà T1 vẫn vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự cùng biên bản công khai chứng cứ và biên bản hòa giải thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Xuất phát từ quan hệ họ hàng và hàng xóm do bà Phùng Thị T1 và ông Phùng Kim D thiếu tiền vốn để đầu tư làm ăn kinh tế do đó vào thời điểm ngày 24/6/2020 (âm lịch), tức ngày 09/8/2020 ( dương lịch) vợ chồng ông Phùng Quang T đã cho vợ chồng bà Phùng Thị T1, ông Phùng Kim D vay số tiền gốc là: 700.000.000đ ( Bảy trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 01%/tháng, thời hạn vay 02 năm là đúng sự thật. Khi vợ, chồng ông T, bà T2 cho vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà T1 vay số tiền trên vợ, chồng ông D, bà T1 và các con là chị Bùi Thùy Tr, anh Phùng Kim A, anh Phùng Kim Đ, chị Phùng Thị C cùng ký nhận giấy vay tiền là sự thật. Do từ khi vợ, chồng ông D, bà T1 vay tiền của vợ, chồng ông T, bà T2 đến nay vợ, chồng ông D, bà T1 mới chỉ trả được duy nhất một tháng tiền lãi suất, là tháng 08/2020, số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), ngoài ra không trả thêm số tiền lãi nào là sự thật. Vì vậy chưa hết thời hạn 02 năm như hai bên thỏa thuận nhưng do vợ, chồng ông D, bà T1 đã vi phạm hợp đồng không trả tiền lãi suất hàng tháng cho vợ, chồng ông T, do vậy ông Phùng Quang T đã khởi kiện vụ án dân sự đòi nợ đối với vợ, chồng ông D, bà T1 phải trả cho vợ, chồng ông T, bà T2 số tiền gốc là: 700.000.000đ ( Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/4/2021 tức 08 tháng, mỗi tháng 7.000.000đ (7.000.000đ x 8 tháng) = 56.000.000đ ( Năm mươi sáu triệu đồng). Như vậy vợ, chồng ông D, bà T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ, chồng ông T, bà T2 tổng gốc và lãi suất là: 756.000.000đ (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ pháp luật.

Trong quá trình làm việc tiến hành tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Ba vì và tại phiên tòa hôm nay vợ, chồng ông T, bà T2 và ông D và các con trai, con dâu của ông D, bà T1 đều thừa nhận người đứng vay số tiền gốc và sử dụng số tiền gốc vay của vợ, chồng ông T, bà T2 là vợ, chồng ông D, bà T1. Còn việc các anh, chị: Chị Bùi Thùy Tr, anh Phùng Kim A, anh Phùng Kim Đ, chị Phùng Thị C là con trai, con dâu của ông D ký vào phần bên vay của giấy vay tiền giữa vợ, chồng ông T, bà T2 và vợ, chồng ông D, bà T1 được lập ngày 24/06/2020 (Âm lịch), tức ngày 09/08/2020 (Dương lịch) là theo yêu cầu của vợ, chồng ông T để nhằm tăng lòng tin và trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay



vợ, chồng ông T, bà T2 không yêu cầu các con trai, con dâu ông D phải đồng có trách nhiệm trả nợ tiền gốc và lãi suất do vậy hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà T2 không buộc các anh, chị An, Đức, Chiên, Trang phải cùng trách nhiệm trả nợ tiền gốc và tiền lãi suất cho vợ, chồng ông T, bà T2.

Về Tài sản thế chấp: Tại phiên tòa hôm nay vợ, chồng ông T, bà T2 và ông Phùng Kim D đều không yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý tài sản thế chấp là: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 223-1; tờ bản đồ số 03, diện tích đất 106m<sup>2</sup>, đất tại thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 mà khi vợ, chồng ông D vay tiền đã thế chấp cho vợ chồng ông T. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463; Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 1, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền của vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 đối với vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1.

2/ Buộc vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 phải trả nợ cho vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 số tiền gốc: 700.000.000đ ( *Bảy trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất là: 56.000.000đ ( *Năm mươi sáu triệu đồng*). Tổng cộng số tiền gốc và số tiền lãi suất vợ, chồng ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 phải trả nợ cho vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 số tiền là: 756.000.000đ ( *Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ, chồng ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 không tự nguyện thi hành án thì ông D, bà T1 phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

được xác định tính theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

3/Án phí: Ông Phùng Kim D, bà Phùng Thị T1 phải chịu số tiền án phí: 34.240.000đ (*Ba mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phùng Quang T, bà Trần Thị T2, ông Phùng Kim D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phùng Thị T1, chị Bùi Thùy Tr, anh Phùng Kim A, anh Phùng Kim Đ, chị Phùng Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện Ba Vì
- THA Ba Vì
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

**Nguyễn Đức Thương**